**Tuần từ: 20/04/2020 đến 25/4/2020**

**MÔN HÓA HỌC 9**

**TIẾT 1 - TUẦN 22**

**LUYỆN TẬP CHƯƠNG 3**

**PHI KIM- SƠ LƯỢC VỀ BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC**

**I/MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập tính chất của muối cacbonat.

- Hiểu được nguyên tắc và cách sắp xếp các nguyên tố trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng giải bài tập dựa vào tính chất của muối cacbonat và bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, giải thích các hiện tượng trong tự nhiên.

**3. Thái độ:** Xây dựng tinh thần tự học, biết nghiên cứu bài học và yêu thích môn học.

**II. NỘI DUNG:**

|  |  |
| --- | --- |
| **YÊU CẦU CỦA GIÁO VIÊN**  **ĐỐI VỚI HỌC SINH** | **NỘI DUNG GHI BÀI** |
| Phần kiến thức cần nhớ học sinh chép vào vở 3 sơ đồ trong SGK lớp 9/trang 102, 103.  Học sinh cho ví dụ PTHH cho sơ đồ 1:  Học sinh làm bài tập 1,2,3 trong SGK lớp 9 trang 103  *Hướng dẫn bài tập 1,2,3:*  *Học sinh làm theo ví dụ GV đã làm mẫu*  Đối với bài tập 4,5,6/ trang 103 SGK thì học sinh khá giỏi có thể thực hiện, chủ yếu học sinh thực hiện bài tập 6 vì là bài quan trọng.  *Hướng dẫn bài tập 6:*   * *Bài toán có lượng dư* * *Viết 2 PTHH, cân bằng* * *Tính số mol MnO2* * *Tính số mol NaOH* * *Sử dụng các công thức:*   n = m/M  n = CM.V  CM = n/ V | **I/ KIẾN THỨC CẦN NHỚ: (học sinh ghi vở bài học)**  -Sơ đồ 1: tính chất hóa học của phi kim  -Sơ đồ 2: tính chất hóa học của một số phi kim cụ thể (clo; cacbon và hợp chất cacbon)  -Sơ đồ 3: bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học:   * Cấu tạo bảng tuần hoàn: ô nguyên tố, chu kì, nhóm. * Sự biến đổi tính chất của các nguyên tố trong bảng tuần hoàn. * Ý nghĩa của bảng tuần hoàn.   Vd:   1. H2+ Cl2 2HCl 2. 2Fe + 3Cl2 2FeCl3 3. 4P + 5O2 2P2O5   ***(Nhớ ghi điều kiện phản ứng)***  **II/ BÀI TẬP: (Học sinh ghi vở bài tập)**  **1/Bài tập 1 (1điểm)**:  Căn cứ sơ đồ 1, hãy viết các PTHH với phi kim, cụ thể là lưu huỳnh.  **2/ Bài tập 2 (2 điểm):**  Hãy viết các PTHH biểu diễn tính chất hóa học của clo theo sơ đồ 2  **3/ Bài tập 3 (4điểm):** Hãy viết các PTHH biểu diễn tính chất hóa học của cacbon và một số hợp chất của nó theo sơ đồ 3  **4/ Bài tập 6 (3 điểm):** Cho 69,6gam MnO2 tác dụng dung dịch HCl đặc dư thu được một lượng khí X. Dẫn khí X vào 500ml dung dịch NaOH 4M thu được dung dịch A. Tính nồng độ mol các chất trong dung dịch A. Biết rằng thể tích dung dịch sau phản ứng thay đổi không đáng kể. |

**TIẾT 2 - TUẦN 22**

**KHÁI NIỆM VỀ HỢP CHẤT HỮU CƠ VÀ HÓA HỌC HỮU CƠ**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được thế nào là hợp chất hữu cơ, hóa học hữu cơ.

**2. Kỹ năng:**

- Phân biệt được hợp chất vô cơ và hợp chất hữu cơ.

- Rèn luyện kĩ năng giải bài tập dựa vào kiến thức chất hữu cơ, hóa học hữu cơ.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, giải thích các hiện tượng trong tự nhiên.

**3. Thái độ:** ý thức tự học, tự khám phá một phân môn Hóa học mới có nhiều ứng dụng trong cuộc sống.

**II. NỘI DUNG:**

|  |  |
| --- | --- |
| **YÊU CẦU CỦA GIÁO VIÊN**  **ĐỐI VỚI HỌC SINH** | **NỘI DUNG GHI BÀI**  **(Học sinh ghi vở bài học)** |
| Học sinh đọc sách giáo khoa Hóa 9/trang 106  Học sinh đọc và thuộc ghi nhớ 3/trang 107 SGK Hóa 9 | **I/Khái niệm về hợp chất hữu cơ:**  **1/ Hợp chất hữu cơ có ở đâu?**  Hợp chất hữu cơ có xung quanh chúng ta, trong cơ thể sinh vật và trong hầu hết các loại lương thực, thực phẩm…; các loại đồ dùng, và ngay cả trong cơ thể chúng ta.  Vd: gạo, thịt, cá, quần áo, giấy mực…  **2/ Hợp chất hữu cơ là gì?**  Hợp chất hữu cơ là hợp chất của cacbon  (trừ CO, CO2, H2CO3 và các muối cacbonat kim loại…)  Vd: CH4, C2H6­O, CH3Cl…  **3/ Phân loại hợp chất hữu cơ:** có 2 loại:  -Hidrocacbon: Phân tử chỉ có 2 nguyên tố là cacbon và hidro  Vd: CH4, C3H4, C4H10, …  - Dẫn xuất hidrocacbon: Ngoài cacbon và hidro, trong phân tử còn có các nguyên tố khác: oxi, nitơ, clo….  Vd: C2H6­O, CH3Cl, …  **II/ Khái niệm về hóa học hữu cơ ( SGK trang 107)** |

|  |  |
| --- | --- |
| **YÊU CẦU CỦA GIÁO VIÊN**  **ĐỐI VỚI HỌC SINH** | **BÀI TẬP**  **(Học sinh làm vở bài tập)** |
| Học sinh làm bài tập 3,4,5 trang 108/ SGK Hóa 9  Hướng dẫn làm bài tập 3, 4:   * Dùng công thức tính thành phần % về khối lượng của các nguyên tố:   **% A = (MA .100%): MAxBy**  **% B= 100% - % A**  MAxBy  là khối lượng mol của hợp chất AxBy ( Phân tử khối)  MA : khối lượng mol nguyên tố A ( nguyên tử khối)  Hướng dẫn làm bài tập 5: chia làm 2 cột để phân loại. | **BT3 (4điểm):**  Hãy so sánh phần trăm khối lượng cacbon trong các chất sau đây: CH4, CH3Cl, CH2Cl2, CHCl3  **BT4 (3điểm):**  Axit axetic có công thức C2H4O2. Hãy tính phần trăm khối lượng các nguyên tố trong axit axetic.  **BT5 (3điểm):**  Hãy phân loại các chất sau : chất nào là hợp chất vô cơ, chất nào là hợp chất hữu cơ?  C6H6, CaCO3, C4H10, C2H6O, NaNO3, CH3NO2, NaHCO3, C2H3O2Na. |

**III. DẶN DÒ:**

- Học sinh ghi kiến thức đã học và làm các bài tập vào vở.

* Hạn chót nộp bài là **thứ 5 ngày 23/4/2020.** Các em cố gắng làm sớm và nộp đúng hạn nhé.

**- Hình thức HS nộp bài cho giáo viên:**

**+ Chụp hình bài ghi, làm bài 🡪 copy hình vào file Word theo thứ tự bài làm (đặt tên file word: ten HS\_mon lop\_tuan22, ví dụ: Quynh Anh\_Hoa 9-01\_tuan22).**

+ Học sinh đăng nhập vào trang Google classroom và dùng mã số, để học và tương tác với GVBM và nộp bài như đã học các tuần trước (trong Google classroom có phần phản hồi của học sinh cho GVBM, có thời hạn nộp bài...).

+ Nếu không tham gia được google classroom, các em có thể nộp file Word nội dung của bài học, bài làm qua zalo, mail của các thầy cô:

+ Lớp 9/03, 9/04: Thầy Khánh: 0909988258 hoặc mail: [nguyentakhanh65@gmail.com](mailto:nguyentakhanh65@gmail.com)

+ Lớp 9/02, 9/08: Cô Liên Châu: 0909765699 hoặc mail: [lienchauttv2003@yahoo.com](mailto:lienchauttv2003@yahoo.com)

+ Lớp 9/05, 9/06, 9/07: Cô Nhung: 0963672730 hoặc mail: [bichnhung2008@gmail.com](mailto:bichnhung2008@gmail.com)

+ Lớp 9/01, 9/09: gửi qua zalo 098 274 8081 hoặc email: [ttv381@gmail.com](mailto:ttv381@gmail.com)

**- Nội dung bài học, bài làm của học sinh sẽ được giáo viên chấm điểm ghi nhận lại kết quả học tập và để căn cứ cho điểm kiểm tra thường xuyên: kiểm tra miệng, 15 phút (hệ số 1).**

………………HẾT………………